

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày 23-01-2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỔ, TỈNH LAI CHÂU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Tuyết Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lò Văn Chiên

2. Ông Lý Quang Minh

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lò Thị Xuân - Thư ký Tòa án

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa:*** Ông Đặng Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị Y, sinh năm 1994; Nơi cư trú: bản L, xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt tại phiên tòa có lý do.

2. Bị đơn: Anh Vàng Văn N, sinh năm 1994; Nơi cư trú: bản L, xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” cùng các lời khai có trong hồ sơ nguyên đơn chị Lò Thị Y trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vàng Văn N đăng ký kết hôn với nhau ngày 11/4/2014 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do hai vợ chồng không hợp nhau, anh N thường đánh đập chị và chửi bới gia đình hai bên. Chị và anh N đã sống ly thân được 5 năm, chị về

nhà bố mẹ đẻ ở xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu để sinh sống từ năm 2020. Từ khi sống ly thân, giữa chị và anh N do không còn quan tâm đến nhau. Chị xét thấy không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với anh N, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

2. Về con chung: Chị và anh N có 02 con chung là Vàng Tu C, sinh ngày 23/6/2013 và Vàng Thị Ôn C1, sinh ngày 11/7/2015. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung Vàng Thị Ôn C1 và không yêu cầu anh N phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung, đề nghị Tòa án giao con chung Vàng Tu Chí cho anh N là người nuôi dưỡng. Vì, từ khi sống ly thân, con chung Vàng Tu Chí ở cùng anh N và bố mẹ đẻ của anh N, còn con chung Vàng Thị Ôn C1 thì chị trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Sau khi thụ lý vụ án, anh Vàng Văn N mặc dù biết chị Y có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn và đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ đến Tòa để làm việc nhưng cố tình vắng mặt mà không có lý do.

\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án; thụ lý đơn yêu cầu ly hôn; việc xác định quan hệ tranh chấp và tư cách của đương sự trong vụ án; việc ra và gửi thông báo thụ lý cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử cùng hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là vi phạm về quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 39, Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề

ngợi Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lò Thị Y và xem xét quyết định: Chị Y được ly hôn với anh N; giao con chung Vàng Thị Ôn C1 cho chị Y nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và giao con chung Vàng Tu Chí cho anh N nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung và chia tài sản chung do không yêu cầu nên không xem xét; miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Vàng Văn N có nơi cư trú tại bản Bản Lang 2, xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Anh N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng cố tình vắng mặt không có lý do. Chị Y có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên căn cứ khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án không tiến hành hòa giải ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Ngày 08/01/2025, Tòa án đã tiến hành mở phiên tòa lần thứ nhất, mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị Y và anh Vàng Văn N đăng ký kết hôn ngày 11/4/2014 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu. Việc kết hôn giữa chị Y và anh N hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh N là hợp pháp. Quá trình chung sống chị Y và anh N hạnh phúc được khoảng thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống khiến cho tình cảm giữa hai vợ chồng không còn. Anh chị đã sống ly thân được 5 năm và cũng không còn quan tâm, chia sẻ với nhau. Anh N cố tình không có mặt tại Tòa án để giải quyết ly hôn. Kết quả xác minh tại xã B thì vợ chồng không có mâu thuẫn gì, bản, xã chưa hòa giải cho anh chị lần nào nhưng chị Y hiện không chung sống cùng anh N. Tòa án triệu tập để tiến hành hòa giải nhưng anh N không đến mà không rõ lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy khoảng thời gian mâu thuẫn giữa chị Y và anh N cũng đã kéo dài, giữa chị Y và anh N không còn dành sự quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, chị Y không còn tình cảm yêu thương đối với anh N, không còn hạnh phúc khi chung sống với anh N, anh N không đến Tòa án để tiến hành các thủ tục hòa giải chứng

tỏ anh không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, hôn nhân giữa chị Y và anh N đã thực sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của chị Y đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: có 02 con chung là Vàng Tu C, sinh ngày 23/6/2013 và Vàng Thị Ôn C1, sinh ngày 11/7/2015. Xét thấy:

Đối với cháu Vàng Tu C: Chị Y đề nghị giao con cho anh N nuôi dưỡng; sau khi bố mẹ sống ly thân cháu ở cùng bố và ông bà nội; cháu có nguyện vọng được ở cùng bố. Theo ý kiến của bà Lành Thị P là mẹ đẻ của anh N xác nhận, anh N đi làm ăn xa bà đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, anh N thường xuyên gọi điện về thăm con và hàng tháng gửi tiền để bà nuôi dưỡng chăm sóc con cho anh N, anh N có nguyện vọng nuôi con Vàng Tu Chí và không yêu cầu chị Y phải cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, Tòa án thấy rằng cần giao con chung Vàng Tu Chí cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với cháu Vàng Thị Ôn C1: Chị Y có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ khi bố mẹ sống ly thân cháu được chị Y trực tiếp nuôi dưỡng; hiện cháu còn nhỏ, là con gái nên rất cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Vì vậy, Tòa án thấy rằng cần giao con chung Vàng Thị Ôn C1 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Chị Y không yêu cầu anh N phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về chia tài sản chung: Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Lò Thị Y là người đồng bào dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Quan điểm giải quyết vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị Y được ly hôn với anh Vàng Văn N.

2. Về con chung:

Giao con chung Vàng Tu Chí, sinh ngày 23/6/2013 cho anh Vàng Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Giao con chung Vàng Thị Ôn C1, sinh ngày 11/7/2015 cho chị Lò Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Anh Vàng Văn N, chị Lò Thị Y có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lò Thị Y, anh Vàng Văn N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về chia tài sản chung: Chị Lò Thị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn Lò Thị Y.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- Chi cục THADS huyện Phong Thổ;
- UBND xã Bản Lang, huyện Phong Thổ;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Thị Tuyết Thanh**





